

CHÍNH PHỦ**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH**Quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,**Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết về tổ chức, sử dụng vùng trời; cấp phép bay; phối hợp quản lý hoạt động bay dân dụng và quân sự; quản lý hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay và quản lý hoạt động bay đặc biệt tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến quản lý hoạt động bay tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình an toàn đường cất hạ cánh là các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối trong việc khai thác, sử dụng đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ để giám sát số lượng và mức độ nghiêm trọng của các trường hợp xâm nhập đường cất hạ cánh, chệch ra khỏi đường cất hạ cánh, sử dụng nhầm đường cất hạ cánh và các sự cố khác trên bề mặt khu hoạt động bay.

2. Đài kiểm soát tại sân bay là cơ sở được thiết lập để kiểm soát hoạt động tại khu vực di chuyển của tàu bay tại sân bay và hoạt động bay trong vùng trời sân bay.

3. Đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung là khu vực hoặc một phần của khu vực có giới hạn về độ cao, chiều rộng và được thiết lập dưới dạng hành lang mà tại đó được cung cấp đầy đủ hoặc một phần dịch vụ không lưu cho hoạt động bay hàng không chung, nằm ngoài khu vực bay phục vụ hoạt động hàng không chung.

4. Đường hàng không nội địa là đường hàng không nằm hoàn toàn trong vùng trời Việt Nam.

5. Đường hàng không quốc tế là đường hàng không nằm trong mạng lưới đường hàng không quốc tế của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, có ít nhất một điểm nằm ngoài vùng thông báo bay của Việt Nam và một điểm nằm trong vùng trời Việt Nam hoặc trong phần vùng thông báo bay trên biển quốc tế do Việt Nam quản lý.

6. Sân bay dự bị là sân bay mà một tàu bay có thể đến, hạ cánh khi không thể hoặc không nên đến, hạ cánh tại sân bay dự định hạ cánh, bao gồm:

a) Sân bay dự bị cất cánh là sân bay mà tại đó tàu bay có thể hạ cánh khi cần thiết ngay sau khi cất cánh và không thể sử dụng sân bay cất cánh;

b) Sân bay dự bị trên đường bay là sân bay mà tại đó tàu bay có thể hạ cánh sau khi gặp tình huống khẩn nguy hoặc bất thường trong quá trình bay đường dài;

c) Sân bay dự bị hạ cánh là sân bay mà tàu bay có thể đến khi không thể hoặc không nên hạ cánh tại sân bay dự định hạ cánh.

7. Sử dụng vùng trời linh hoạt là quá trình phối hợp giữa các cơ quan quản lý, điều hành bay dân dụng và quân sự trong quá trình quản lý vùng trời cấp chiến lược, quản lý vùng trời trước khi sử dụng và sử dụng vùng trời nhằm nâng cao khả năng thông qua của vùng trời và hiệu quả khai thác bay.

8. Trung tâm Quản lý điều hành bay quốc gia là cơ quan quản lý, điều hành bay trực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân, có nhiệm vụ tổng hợp các hoạt động bay trong toàn quốc, tổ chức dự báo, thông báo, điều hành và quản lý các hoạt động bay; phối hợp hiệp đồng, thông báo, điều chỉnh các kế hoạch hoạt động bay trong vùng trời Việt Nam.

9. Trung tâm Quản lý điều hành bay khu vực là cơ quan quản lý, điều hành bay của Quân chủng Phòng không - Không quân, có nhiệm vụ tổng hợp các hoạt động bay, tổ chức dự báo, thông báo, điều hành và quản lý các hoạt động bay; phối hợp hiệp đồng, thông báo, điều chỉnh các kế hoạch hoạt động bay trong khu vực trách nhiệm.

10. Trung tâm kiểm soát đường dài là cơ sở được thiết lập nhằm thực hiện nhiệm vụ kiểm soát các chuyến bay có kiểm soát trong khu vực trách nhiệm.

11. Trung tâm quản lý luồng không lưu là cơ sở được thiết lập nhằm mục đích quản lý hoạt động bay hàng ngày trong khu vực trách nhiệm; phối hợp với cơ quan quản lý, điều hành bay liên quan bảo đảm an toàn, điều hòa và hiệu quả cho các hoạt động bay; điều chỉnh các hoạt động bay, đảm bảo luồng không lưu được an toàn, thông suốt bằng cách sử dụng tối đa năng lực điều hành bay phù hợp với lưu lượng bay trong từng khu vực cụ thể và năng lực điều hành bay đã được công bố.

12. Vùng trời cho hoạt động hàng không chung bao gồm khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung; đường hàng không và vùng trời sân bay.

13. Vùng trời không lưu là vùng trời có giới hạn xác định, được chỉ định theo thứ tự bảng chữ cái A, B, C, D, E, F và G, trong đó việc cung cấp dịch vụ không lưu và quy tắc bay được quy định cho từng loại chuyển bay cụ thể, bao gồm:

a) Vùng trời không lưu loại A là vùng trời chỉ cho phép thực hiện chuyển bay theo quy tắc bay bằng thiết bị (sau đây gọi chung là chuyển bay IFR); các chuyển bay được cung cấp dịch vụ điều hành bay và được điều hành phân cách với nhau;

b) Vùng trời không lưu loại B là vùng trời cho phép thực hiện chuyển bay IFR và chuyển bay theo quy tắc bay bằng mắt (sau đây gọi chung là chuyển bay VFR); các chuyển bay được cung cấp dịch vụ điều hành bay và được điều hành phân cách với nhau;

c) Vùng trời không lưu loại C là vùng trời cho phép thực hiện chuyển bay IFR và chuyển bay VFR; các chuyển bay được cung cấp dịch vụ điều hành bay; chuyển bay IFR được điều hành phân cách với chuyển bay IFR khác và chuyển bay VFR; chuyển bay VFR được điều hành phân cách với chuyển bay IFR và được thông báo về chuyển bay VFR khác;

d) Vùng trời không lưu loại D là vùng trời cho phép thực hiện chuyển bay IFR và chuyển bay VFR; các chuyển bay được cung cấp dịch vụ điều hành bay; chuyển bay IFR được điều hành phân cách với chuyển bay IFR khác và được thông báo về chuyển bay VFR; chuyển bay VFR được thông báo về các chuyển bay khác;

đ) Vùng trời không lưu loại E là vùng trời cho phép thực hiện chuyển bay IFR và chuyển bay VFR; chuyển bay IFR được cung cấp dịch vụ điều hành bay và được điều hành phân cách với chuyển bay IFR khác; các chuyển bay được thông báo về các chuyển bay khác theo điều kiện thực tế; vùng trời không lưu loại E không được sử dụng như là vùng trời có kiểm soát;

e) Vùng trời không lưu loại F là vùng trời cho phép thực hiện chuyển bay IFR và chuyển bay VFR; các chuyển bay IFR được cung cấp dịch vụ tư vấn không lưu; các chuyển bay được cung cấp dịch vụ thông báo bay nếu có yêu cầu;

g) Vùng trời không lưu loại G là vùng trời cho phép thực hiện chuyển bay IFR và chuyển bay VFR; các chuyển bay được cung cấp dịch vụ thông báo bay nếu có yêu cầu.

Chương II

TỔ CHỨC, SỬ DỤNG VÙNG TRỜI

Điều 4. Tổ chức vùng trời phục vụ hoạt động bay

1. Tổ chức vùng trời Việt Nam phục vụ cho hoạt động bay dân dụng bao gồm:

- a) Vùng trời sân bay dân dụng, sân bay dùng chung;
- b) Đường hàng không;
- c) Khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung;
- d) Khu vực xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hóa dành cho tàu bay dân dụng;
- đ) Phần vùng thông báo bay trên biển quốc tế do Việt Nam quản lý;
- e) Khu vực trách nhiệm quản lý, điều hành bay.

2. Tổ chức vùng trời phục vụ các hoạt động khác bao gồm:

- a) Vùng trời sân bay quân sự, các không vực, đường bay hoạt động quân sự;
- b) Khu vực cấm bay;
- c) Khu vực hạn chế bay;
- d) Khu vực nguy hiểm;
- đ) Khu vực trách nhiệm sẵn sàng chiến đấu của các Sư đoàn không quân.

Điều 5. Đường hàng không

1. Đường hàng không bao gồm đường hàng không quốc tế, đường hàng không nội địa, được thiết lập trên cơ sở:

- a) Nhu cầu giao lưu hàng không quốc tế;
- b) Yêu cầu hoạt động bay nội địa;
- c) Yêu cầu, khả năng cung cấp các dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không;
- d) Yêu cầu, khả năng quản lý và bảo vệ vùng trời; bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;
- đ) Phù hợp với quy hoạch phát triển ngành hàng không dân dụng Việt Nam và kế hoạch không vận của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).

2. Đường hàng không nội địa được ký hiệu bằng các chữ H, J, Q, T, V, Y, Z, W và đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập.

3. Đường hàng không quốc tế được ký hiệu bằng các chữ A, B, G, L, M, N, P, R và đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập.

Điều 6. Thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ, công bố đường hàng không

1. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng phương án thiết lập, hủy bỏ đường hàng không; đề xuất với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) sửa đổi kế hoạch không vận khu vực đối với đường hàng không quốc tế.

2. Trên cơ sở phương án quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Quốc phòng chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thiết lập, hủy bỏ đường hàng không.

3. Bộ Giao thông vận tải xác định, điều chỉnh thông số chi tiết các đường hàng không đã được thiết lập trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng.

4. Cục Hàng không Việt Nam công bố thông số chi tiết của các đường hàng không được thiết lập, điều chỉnh và việc hủy bỏ đường hàng không trong Tập thông báo tin tức hàng không (AIP) của Việt Nam.

Điều 7. Nguyên tắc sử dụng đường hàng không

1. Đường hàng không quốc tế được sử dụng cho chuyến bay quốc tế và chuyến bay nội địa. Đường hàng không nội địa được sử dụng cho chuyến bay nội địa.

2. Bộ Giao thông vận tải quyết định việc sử dụng thường xuyên đường hàng không nội địa cho các chuyến bay quốc tế khi có nhu cầu, sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng và thông báo ngay cho Bộ Công an.

3. Cơ quan cấp phép bay quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 14 của Nghị định này cho phép các chuyến bay quốc tế sử dụng đường hàng không nội địa trên cơ sở ý kiến thống nhất của Cục Tác chiến và Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 8. Vùng trời sân bay

1. Vùng trời sân bay được xác định cho một hoặc nhiều sân bay; được thiết lập trên cơ sở các yếu tố sau đây:

a) Bảo đảm an toàn cho hoạt động bay ở trong và xung quanh khu vực sân bay;

b) Nhu cầu cất cánh, hạ cánh của các loại tàu bay khai thác;

c) Phương pháp, trang bị, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát;

d) Phù hợp với đặc điểm của từng sân bay.

2. Giới hạn vùng trời sân bay được xác định tại Quy chế bay trong khu vực sân bay.